

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2022/DS-PT

Ngày 14/7/2022

V/v yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở
trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất
và đòi lại quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Vân

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Ông Trần Bá Kha

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 71/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 6 năm 2022 về việc “*Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất và đòi lại quyền sử dụng đất*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 98/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Minh Ng, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn Thứ N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Z (tên gọi khác NE), sinh năm: 1966 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1969. Cùng địa chỉ: Ấp VTh, xã VH, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1 (Là mẹ anh Ng) - (Vắng mặt)

2. NLQ2 (Là em anh Ng) - (Vắng mặt).
3. NL3 (Là em anh Nghĩa) - (Vắng mặt).
4. NLQ4.
5. NLQ5.
- (NLQ4 vắng mặt, NLQ5 có mặt).
6. NLQ6 (Vắng mặt).
7. NLQ7 (Vắng mặt).
8. NLQ8 (Vắng mặt).
9. NLQ9 (Vắng mặt).
10. NLQ10 (Có mặt).
11. NLQ11 (Vắng mặt).

- *Người làm chứng*: NLC (Có mặt).

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Nguyễn Văn Z.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Lê Minh Ng trình bày:

Năm 1998, vợ chồng ông Nguyễn Văn Z, bà Nguyễn Thị T có chuyển nhượng cho cha của anh là ông Lê Minh L phần đất và hoa màu trên đất tọa lạc tại ấp VT, xã VH, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang, mặt tiền giáp Quốc lộ 63 có chiều ngang 49m, chiều ngang mặt hậu 29,60m, chiều dài giáp đất ông Phạm Văn Ch 64,90m, chiều dài giáp đất ông Nguyễn Khả N 86,63m. Hai bên có làm giấy tay mua bán. Giá chuyển nhượng là 21,5 chỉ vàng 24kra. Sau khi cha của anh chết thì để lại phần đất trên cho anh quản lý đến nay và được Ủy ban nhân dân huyện UMT (*Ủy ban nhân dân, sau đây được viết tắt là UBND*) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 384487 ngày 01/02/2019 thửa 01, tờ bản đồ số 58-2018 tổng diện tích 3.748,1m² (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đây được viết tắt là giấy CNQSD đất*).

Năm 2019 vợ chồng ông Z, bà T thông báo cho anh biết trước đây trên phần đất ông Z, bà T chuyển nhượng cho cha của anh có ngôi mộ của con ông Z, bà T. Vào tháng 3/2020 vợ chồng ông Z, bà T lấy trụ đá cặm xung quanh phần diện tích ngôi mộ và đường đi vào thăm mộ với chiều ngang 04m, chiều dài 86,63m, nhưng thực tế không thấy có mộ trên đất.

Anh có thỏa thuận với ông Z, bà T đồng ý hỗ trợ số tiền 10.000.000 đồng cho vợ chồng ông Z, bà T để ông, bà di dời ngôi mộ đi nơi khác và trả lại phần đất chiều ngang 04m, chiều dài 86,63m cho anh, nhưng vợ chồng ông Z, bà T đòi hỗ trợ 60.000.000 đồng, nên anh không đồng ý.

Anh có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết, nhưng không thành. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Z, bà T chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với phần diện tích đất chiều ngang 04m, chiều dài 86,63m tọa lạc tại ấp VT, xã VH, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang thuộc quyền sử dụng của anh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh trình bày bổ sung là trường hợp nếu có mộ trên đất, vợ chồng ông Z, bà T đồng ý di dời ra khỏi đất thì anh đồng ý hỗ trợ cho ông Z, bà T số tiền là 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

Bị đơn ông Nguyễn Văn Z (ông Z có đơn yêu cầu phản tố), bà Nguyễn Thị T trình bày:

Năm 1999 vợ chồng ông, bà có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (*hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, sau đây được viết tắt là hợp đồng CNQSD đất*) cho ông Lê Minh L một phần đất và hoa màu trên đất tọa lạc tại ấp VT, xã VH, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang. Trong giấy mua bán không đề chiều ngang và chiều dài với giá là 21,5 chỉ vàng 24k. Khi chuyển nhượng ông, bà chừa lại một phần đất để làm đường đi vô nền mộ chiều ngang 03m, nền mộ chiều ngang 12m, chiều dài 18m đụng tới hết đất của gia đình ông, bà. Mục đích của vợ chồng ông để sau này có chỗ chôn cất. Sau khi ông L chết thì anh Ng giành phần đất mồ mả của gia đình ông, bà để chuyển nhượng cho người khác. Vợ chồng ông, bà không đồng ý nên đã ngăn cản không cho phép anh Ng chiếm hết phần đất mồ mả của gia đình ông, bà. Trước đây ông, bà và ông L thỏa thuận nếu sau này làm giấy CNQSD đất thì hai bên phải đưa ra bàn bạc chiều ngang, chiều dài bao nhiêu, phần đất mồ mả của gia đình ông, bà bao nhiêu. Nhưng đến khi ông L chết thì anh Ng không làm theo thỏa thuận mà ngang nhiên chiếm phần đất mồ mả của gia đình ông, bà.

Vì vậy ông, bà yêu cầu anh Ng để lại phần đất nền mộ cho gia đình ông, bà. Cụ thể từ Quốc lộ 63 đường đi vào chiều ngang 03m đến nền mộ chiều ngang 12m, chiều dài 18m đụng tới hết đất của gia đình ông, bà. Phần còn lại ông, bà đồng ý ký tên giáp ranh để anh Ng làm giấy CNQSD đất hoặc chuyển nhượng cho ai thì tùy ý.

Nếu anh Ng muốn lấy lại phần diện tích đất nền mộ như đã nêu ở trên thì phải bồi thường tiền đất theo giá thị trường hiện nay thì ông, bà đồng ý di dời tài sản và mồ mả trên đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. *NLQ1 trình bày (BL 115):* Bà là vợ của ông Lê Minh L và mẹ của anh Lê Minh Ng. Đối với phần đất tranh chấp hiện nay giữa anh Ng và vợ chồng ông Nguyễn Văn Z, bà Nguyễn Thị T có nguồn gốc là trước đây vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Z, bà T. Khi sang nhượng thì có làm giấy tờ với nhau, vợ chồng bà đã giao vàng đầy đủ cho ông Z, bà T và nhận đất sử dụng. Tại thời điểm chuyển nhượng thì vợ chồng ông Z, bà T không có nói gì về mồ mả trên đất, vợ chồng bà cũng không thỏa thuận để lại phần đất cho ông Z, bà T sử dụng.

Phần đất này sau khi sang nhượng đến năm 2005 thì ông L chồng bà chết, phần đất này được tặng cho anh Lê Minh Ng và được đứng tên giấy CNQSD đất, sau đó Lê Minh Ng bán lại phần đất cho người khác thì vợ chồng ông Z, bà T đứng ra tranh chấp. Đối với phần đất này, bà thống nhất tiếp tục tặng cho anh Lê Minh Ng, về việc tranh chấp giữa anh Ng và vợ chồng ông Z, bà T để cho anh Ng tự giải quyết, bà không có yêu cầu giải quyết gì trong vụ án này.

2. NLQ2, NLQ3 trình bày (BL 114, 116): Các chị là em ruột của anh Lê Minh Ng. Đối với phần đất tranh chấp như nêu trên, thì gia đình đã thống nhất cho anh Lê Minh Ngh, nên anh Ng tự giải quyết tranh chấp, các chị không có yêu cầu gì trong vụ án này.

3. NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ11, NLQ10 trình bày (BL 118, 112, 113, 119, 111): Các ông, bà là chị, em ruột của ông Lê Minh Ễ và cũng là cô, chú ruột anh Lê Minh Ng. Đối với phần đất này, các ông, bà và gia đình Lê Minh Ng đã thống nhất cho lại Lê Minh Ng thì anh Ng tự giải quyết tranh chấp, các ông bà không có yêu cầu giải quyết gì trong vụ án này.

4. NLQ9 trình bày (BL 117): Ông là em ruột của ông Lê Minh L và là chú ruột của Lê Minh Ng đối với vợ chồng ông Nguyễn Văn Z và bà Nguyễn Thị T là người ở cùng xóm.

Do thời lâu quá ông không nhớ chính xác là vào năm nào, anh ruột của ông là ông Lê Minh L có thỏa thuận nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Z (NE), bà T phần đất vườn giáp Quốc lộ 63 và một phần giáp với ranh đất của ông. Khi thỏa thuận sang đất thì thỏa thuận tại nhà của ông, lúc thỏa thuận thì hai bên có làm giấy tờ với nhau và ông là người trực tiếp chứng kiến cùng với NLLC và ông Nguyễn Văn A (ở VT) cùng với một người là nhân viên bưu điện AB, ông chỉ nhớ là D, ông G, ông Th, không có mặt NLQ1 vợ ông L. Hai bên thỏa thuận sang hết diện tích đất của ông Z, bà T với giá 21,5 chỉ vàng 24kra, lúc đó không có đo đạc thực tế nhưng sau đó ông nhớ là có tiến hành đo lại nhưng ông nhớ rõ số liệu là bao nhiêu. Sau khi nhận chuyển nhượng đất, ông L cho ông mượn đất sử dụng, lúc đó ông Z, bà T không có ý kiến gì và từ khi ông vô sử dụng đất đến năm 2019 thì ông cũng không thấy có mồ mã gì trên phần đất này và cũng không thấy ông Z hay bà T đến cúng bái ai, lúc này Lê Minh Ng có nói với ông là do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên kêu giao trả lại đất để chuyển nhượng cho người khác thì ông đồng ý. Sau khi Ng chuyển nhượng đất cho người khác thì ông thấy họ đưa Robe vào mức đất thì ông Z cũng không có ý kiến gì, nhưng sau đó không biết vì lý do ông Z đứng ra tranh chấp.

Ông không nghe nói là chừa lại đất mồ mã gì hết. Còn ai là người viết giấy “mua bán” đất thì ông không nhớ rõ. Ông không có yêu cầu giải quyết gì trong vụ án này.

5. NLQ4, NLQ5 trình bày (BL 151, 152):

Anh, chị có quen biết với anh Lê Minh Ng với lý do là anh, chị có thỏa thuận nhận chuyển nhượng của anh Lê Minh Ng toàn bộ diện tích đất do anh Ng đứng tên với giá là 2.000.000.000 đồng, anh Lê Minh Ng có đưa cho anh, chị xem giấy CNQSD đất đối với phần đất chuyển nhượng. Vợ chồng anh, chị đồng ý đã giao tiền cho anh Ng với số tiền là 1.350.000.000 đồng và hiện nay anh Ng đã giao giấy CNQSD đất đó cho anh, chị giữ. Lúc chuyển nhượng chỉ ranh đất thì lúc đó ông Z cũng có lại chứng kiến nhưng không có nói gì, sau đó khi vợ chồng anh, chị giao tiền cho anh Ng lần thứ hai là 500.000.000 đồng (lần thứ nhất giao 200.000.000 đồng) thì có mặt ông Z và ông Z có nói là trong phần này còn có mộ con của ông và yêu cầu anh Ng đưa cho ông Z số tiền 20.000.000 đồng, nhưng anh Ng không đồng ý. Sau đó, vợ chồng anh, chị kêu máy vào mức đất, lúc đầu ông Z không có nói gì mà chỉ yêu cầu chừa lại phần đất mộ con ông khoảng 01 tầm thì vợ chồng cho mức, sau đó giữa anh Ng và ông Z dẫn đến tranh chấp nên giữa vợ chồng anh, chị và anh Ng chưa làm giấy tờ xong.

Nay anh, chị có ý kiến về phần đất anh, chị nhận chuyển nhượng của anh Ng thì để anh, chị tự thỏa thuận giải quyết với anh Ng. Anh, chị không yêu cầu giải quyết vấn đề gì trong vụ án này.

NLC trình bày (BL 110):

Trước đây, ông có phần đất giáp ranh với đất của ông Nguyễn Văn Z ở ấp VT, xã VH. Đối với anh Lê Minh Ng thì ông không quan hệ họ hàng gì. Lúc vợ chồng ông Z sang đất cho Lê Minh L thì ông có chứng kiến và nghe nói là hai bên sang phần đất của ông Z với giá là 21,5 chỉ vàng 24kra, nghe nói là sang mãi (bán hết đất) chứ không nghe nói sang diện tích cụ thể là bao nhiêu và đồng thời cũng có nghe ông Z nói là để lại cho ông phần đất nền mộ con ông Z, chứ không có nghe nói chừa đất lại.

Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện UMT, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh Ng đối với vợ chồng ông Nguyễn Văn Z (tên gọi khác NE) và bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu chấm dứt hành vi ngăn cản thực hiện quyền sử dụng đất.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn Z (tên gọi khác NE) đối với anh Lê Minh Ng về việc đòi lại quyền sử dụng đất.

2. Cấm vợ chồng ông Nguyễn Văn Z (tên gọi khác NE) và bà Nguyễn Thị T cản trở anh Lê Minh Ng thực hiện quyền sử dụng đối diện tích đất 419,5m², chưa trừ hành lang lộ giới. Vị trí thửa đất được thể hiện tại Biên bản xem xét thẩm định

tại chỗ ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện UMT, tỉnh Kiên Giang. Phần đất này nằm trong diện tích đất 3.748,1m², tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 58-2018 đã được Ủy ban nhân dân huyện UMT cấp quyền sử dụng cho anh Lê Minh Ng theo Giấy CNQSD đất số CO 384487 ngày 01/02/2019.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Z về việc yêu cầu anh Lê Minh Ng trả lại diện tích 419,5m², chưa trừ hành lang lộ giới. (Theo vị trí đất như đã nêu trên).

4. Buộc ông Nguyễn Văn Z, bà Nguyễn Thị T phải di dời các cây cối đã trồng ra khỏi phạm vi đất nêu trên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và báo quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 18 tháng 04 năm 2022, bị đơn Nguyễn Văn Z có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

Ông Z yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, giải quyết những việc sau đây:

Buộc ông Lê Minh Ng để lại phần diện tích đất nền mộ cho gia đình ông Z cụ thể như sau: Từ mé quốc lộ 63 đường đi vô 3 mét ngang, dựng vô nền mộ chiều ngang 12 mét, chiều dài 18 mét chạm tới hết đất của gia đình ông. Phần còn lại ông đồng ý ký tên giáp ranh để anh Lê Minh Ng làm giấy CNQSD đất hoặc sang bán tùy ý. Buộc anh Ng bồi thường 350.000.000 đồng nếu ông Nghĩa lấy hết đất.

Buộc ông Lê Minh Ng thực hiện đúng như thỏa thuận trong hợp đồng mua bán giữa ông Z và ông Lê Minh L (cha ông Ng).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn anh Lê Minh Ngh trình bày: Trên đất bằng phẳng không có thấy ngôi mộ nào, từ lúc anh sử dụng đất đến nay cũng không thấy ai cúng lạy gì.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Z, bà Nguyễn Thị T khai rằng: Ông, bà có chôn 01 người con lúc chết khoảng hơn 5 (năm) tháng tuổi, không nhớ chôn năm nào, không có bia mộ, không có xây mộ mà chỉ đắp đất, không có khai sinh, khai tử. Từ khi bán đất cho ông L thì vợ chồng ông bà cũng đi làm ăn ở nơi khác hơn mười mấy năm nay nên không có ai cúng viếng mộ, chỉ có năm rồi (năm 2021) là có vào thăm mộ; Bán thì bán nguyên thửa, còn việc chừa lại đất là thỏa thuận miệng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung và hướng giải quyết vụ án: Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được nội dung vụ án, nên đề nghị HĐXX ghi nhận về việc: Anh Ng hỗ trợ cho ông Z, bà T số tiền là 30.000.000 đồng, NLQ5 hỗ trợ cho ông Z, bà T số tiền là 50.000.000 đồng. Tổng số tiền hỗ trợ là 80.000.000 đồng; ông Z, bà T đồng ý nhận và cam kết chấm dứt hành vi ngăn cản quyền sử dụng đất của anh Ng, NLQ5, đồng thời số bụi (cây) chuối mà ông Z, bà T đã trồng trên đất sẽ thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh Ng, NLQ5. Vì vậy, đề nghị cấp phúc thẩm căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 05/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện UMT, tỉnh Kiên Giang theo hướng công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với các NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4 có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đối với NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11 không có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, nên không cần thiết đưa những người này vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] *Về phần đất tranh chấp:* Có diện tích theo đo đạc thực tế là 419,5m² (chưa trừ hành lang an toàn giao thông đường bộ). Căn cứ theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện UMT lập.

[3] *Về nội dung vụ án:* Vào năm 1998 vợ chồng ông Nguyễn Văn Z, bà Nguyễn Thị T có chuyển nhượng cho ông Lê Minh L một phần đất và hoa màu trên đất nhưng không ghi diện tích, chiều ngang và chiều dài. Các bên có lập “Giấy giao kèo mua bán, ngày 29/11/1998” nhưng không có công chứng chứng thực (BL 25), theo nội dung thỏa thuận như sau: *Sau khi “người bán” dời đi nơi khác thì “bên mua” trả đủ số vàng còn lại (thời gian dời nhà trong tháng 02/1999 âm lịch.* Sau khi ông L chết, thì phần đất trên được gia đình thống nhất giao cho anh Lê Minh Ng (là con trai ông L) được quyền sử dụng. Anh Ng làm thủ tục đăng ký và được UBND huyện UMT cấp giấy CNQSD đất số CO 384487 ngày 01/02/2019. Hiện nay, anh Ng là người quản lý, sử dụng. Đến khi anh Ng chuyển nhượng phần đất trên cho NLQ4, NLQ5 thì phía ông Z tranh chấp. Vợ chồng ông Z, bà T có yêu cầu phản tố về việc yêu cầu anh Nghĩa giao trả lại phần đất có diện tích 419,5m² (phần đường 03m đi vào nền mộ và phần mộ), trường hợp anh Ng không đồng ý giao đất thì yêu cầu phải trả bằng tiền theo giá thị trường.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, giữa ông Nguyễn Văn Z, bà Nguyễn Thị T với anh Lê Minh Ng, NLQ5 thỏa thuận được về nội dung vụ án như sau: Anh Ng tự nguyện hỗ trợ cho ông Z, bà T số tiền là 30.000.000 đồng, NLQ5 tự nguyện hỗ trợ cho ông Z, bà T số tiền là 50.000.000 đồng. Tổng số tiền anh Ng, NLQ5 tự nguyện hỗ trợ cho ông Z, bà T là 80.000.000 đồng; ông Z, bà T đồng ý nhận và cam kết chấm dứt hành vi ngăn cản quyền sử dụng đất của anh Ng, NLQ5. Ngoài ra, số bụi (cây) chuối mà ông Z, bà T đã trồng trên đất sẽ thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh Ng, NLQ5. Hội đồng xét xử nhận thấy sự thỏa thuận giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên công nhận.

[5] *Về chi phí tố tụng:* Anh Lê Minh Ng tự nguyện nộp nên không xem xét.

[6] *Về án phí dân sự:*

- *Án phí dân sự sơ thẩm:*

+ Ông Nguyễn Văn Z và bà Nguyễn Thị T là người được nhận số tiền hỗ trợ và tự nguyện nộp án phí với số tiền là 4.000.000 đồng.

+ Buộc ông Nguyễn Văn Z và bà Nguyễn Thị T phải nộp án phí với số tiền là 300.000 đồng (do yêu cầu phản tố không được chấp nhận), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003073 ngày 23/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

+ Hoàn trả cho anh Lê Minh Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004191 ngày 26/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

+ NLQ5 không phải nộp án phí.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:*

Do Bản án sơ thẩm bị sửa, nên hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Z số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0003208 ngày 18/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 163, 166 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 101, 166 Luật Đất đai năm 2013;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Z;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Lê Minh Ng, NLQ5 với ông Nguyễn Văn Z, bà Nguyễn Thị T về việc: Anh Lê Minh Ng, NLQ5 đồng ý hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn Z, bà Nguyễn Thị T tổng số tiền là 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*). (Trong đó, anh Lê Minh Ng với số tiền là 30.000.000 đồng, NLQ5 với số tiền là 50.000.000 đồng).

Ông Nguyễn Văn , bà Nguyễn Thị T đồng ý nhận số tiền 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*) và cam kết chấm dứt hành vi ngăn cản quyền sử dụng đất của anh Lê Minh Ng, NLQ5 kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Theo đó, buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Z (tên gọi khác NE) và bà Nguyễn Thị T phải chấm dứt thực hiện hành vi ngăn cản anh Lê Minh Ng thực hiện quyền sử dụng đối diện tích đất 419,5m² (chưa trừ hành lang lộ giới). Vị trí thửa đất được thể hiện tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện UMT, tỉnh Kiên Giang. Phần đất được giới hạn bởi các điểm từ 1- 9, cụ thể: Cạnh 1-2= 03m giáp Quốc lộ 63; Các cạnh 2-3 = 9,7m, cạnh 3-4= 10,27 m, cạnh 4-5= 68,06m; cạnh 5-6 = 9m, cạnh 6-7= 18 m, cạnh 7-8= 12m giáp phần đất còn lại của anh Lê Minh Ng; Cạnh 8-9= 96,90m, cạnh 9-1= 10m giáp đất ông Nguyễn Khả N. Phần đất này nằm trong diện tích đất 3.748,1m², tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 58-2018 đã được Ủy ban nhân dân huyện UMTh cấp quyền sử dụng cho anh Lê Minh Ng theo giấy CNQSD đất số CO 384487 ngày 01/02/2019.

Công nhận sự thỏa thuận của các bên về việc: Số bụi (cây) chuối mà Nguyễn Văn Z và bà Nguyễn Thị T đã trồng trên đất sẽ thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh Lê Minh Ng, NLQ5.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn Z (tên gọi khác NE) đối với anh Lê Minh Ng về việc: “Đòi lại quyền sử dụng đất”.

3. *Về chi phí tố tụng:* Anh Lê Minh Ng tự nguyện nộp, nên không xem xét.

4. *Về án phí dân sự:*

- *Án phí dân sự sơ thẩm:*

+ Buộc ông Nguyễn Văn Z và bà Nguyễn Thị T nộp án phí với số tiền là 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*).

+ Buộc ông Nguyễn Văn Z và bà Nguyễn Thị T phải nộp án phí với số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) - (do yêu cầu phản tố không được chấp nhận),

nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003073 ngày 23/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

+ Hoàn trả cho anh Lê Minh Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004191 ngày 26/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

+ NLQ5 không phải nộp án phí.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:*

Do Bản án sơ thẩm bị sửa, nên hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Z số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0003208 ngày 18/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- TAND huyện UMT;
- Chi cục THADS huyện UMT;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Đặng Thị Bích Vân